

Bản án số: 792/2023/HC-PT

Ngày 8 – 9 – 2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 348/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2171/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Thành L là bà Phạm Thị Huyền T, đại diện theo ủy quyền.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An là ông Đinh Văn S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn S là ông Nguyễn Văn Q – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An:

- Ông Nguyễn Hoàng N – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn C – Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An là ông Nguyễn Hoàng N – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 11, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Thuý A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà N, bà A và ông P: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Tuyết A1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Tuyết P1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2022 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện Nguyễn Thành L trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Năm 1981 cha ông L tên là Nguyễn Thành V có cho ông L một phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An chưa qua đo đạc nhưng có ranh giới rõ ràng, ông L đã cất nhà trên phần đất trên để ở và ông L cũng đã đào ao và làm chuồng trên phần đất trên để nuôi cá và nuôi gà. Sau đó anh trai ông L tên là Nguyễn Thành T đã được ông V cho đất và sống cạnh ông L. Khi cho đất các con, ông V phân chia ranh giới rất rõ ràng. Ông L và ông T sử dụng phần đất ông V cho ổn định từ đó đến nay không phát sinh tranh chấp.

Năm 2006 ông Vạng và ông T mất. Quyền sử dụng đất của ông T đã được chuyển sang cho bà H theo di sản thừa kế.

Sau đó bà H khởi kiện ông L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An. Trong quá trình giải quyết vụ án sau khi đo đạc xong thì bà H rút đơn khởi kiện. Qua đó ông L mới phát hiện một phần đất ông L đang quản lý, sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà H. Nay ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông T và hủy cập nhật biến động cho bà H đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16.

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện người khởi kiện Nguyễn Thành N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Ông N là con ruột của ông V. Trước đây ông V có cho ông N một phần đất để sinh sống nhưng gần mé sông. Do nhà gần mé sông thường xuyên bị sạt lở nên ông N có ý định dời đi. Lúc đó ông N nghe bà hai V bán nhà (nhà bà hai Vinh cất trên đất của ông V). Ông V bảo ông N mua lại nhà của bà hai V. Về phần đất thì ông V cho ông N. Sau đó, ông N mua nhà của bà hai V để ở. Đến năm 2006 ông N có xây lại nhà mới, lúc đó ông T và ông V đứng ra chỉ ranh cho ông N cất nhà và gia đình ông N sinh sống ổn định trên phần đất ông V cho từ đó đến nay. Sau khi ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà H thì ông N mới phát hiện ra việc diện tích đất ông N đang quản lý, sử dụng đã cấp cho bà H. Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông T và hủy cập nhật biến động cho bà H đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16.

Tại đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L có nội dung:

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết các vấn đề sau:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/1999 cho ông Nguyễn Thành T.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Tại đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N có nội dung:

Trước đây ông N có đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện T về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên. Sau khi Tòa thẩm định tại chỗ và đo đạc thì ông N mới phát hiện một phần đất ông N đang quản lý, sử dụng do bà L đứng tên. Vì vậy, nay ông N thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/1999 cho ông Nguyễn Thành T.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/6/1997 cho ông Nguyễn Văn K.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Tuyết L1 vào ngày 02/3/2009.

Tại Văn bản số 5257/UBND-NC ngày 26 tháng 7 năm 2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Ngày 03/12/1999 UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số Q 030564 cho ông Nguyễn Thành T, trong đó có thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.130 m² đất ở tại nông thôn. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T chỉ căn cứ đơn xin cấp giấy và bản đồ địa chính, không đo đạc, không kiểm tra thực tế.

Ngày 20/5/2010 chỉnh lý biến động trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 từ diện tích 1.130 m² sang diện tích 1.056 m² đất ở tại nông thôn theo sổ bộ địa chính quản lý. Ông Nguyễn Thành T chết thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất được lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H theo văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 06/5/2010 và được cập nhật tên chủ sử dụng Nguyễn Thị Ngọc H trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 23/3/2015 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1310/QĐ-UBND về

việc thu hồi 22,8 m² thuộc một phần thửa 166 để xây dựng công trình cải tạo kênh Thủ Thừa và được chỉnh lý thu hồi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với thửa đất 166, tờ bản đồ số 16 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Thành T ngày 03/12/1999 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử theo qui định pháp luật.

Tại Văn bản số 6796/UBND-NC ngày 19 tháng 9 năm 2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với thửa đất 166, tờ bản đồ số 16 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Thành T ngày 03/12/1999 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16. Về việc này Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản số 5257/UBND-NC ngày 26/7/2022 về việc trả lời đến Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo qui định.

Ngày 01/6/2022 UBND huyện T ban hành thông báo số 3784/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất thực hiện dự án cầu qua kênh Thủ Thừa trên địa bàn xã Nhị Thành và Tân Thành. Trong đó thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Ngọc H diện tích khoảng 1.033,2 m² tại thửa số 166 (trộn thửa), tờ bản đồ số 16.

Về nguồn gốc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã T: Ông Nguyễn Văn K có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích 599 m², loại đất T (nay là đất ở tại nông thôn). Ngày 20/6/1997 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 cho ông Kiệp trong đó có thửa đất nêu trên.

Ngày 02/3/2009 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T chỉnh lý trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 đính chính thửa đất 131 diện tích 599 m² sang diện tích 551 m² đất ở tại nông thôn theo diện tích đất giảm do mở lộ làng ấp 4.

Ông Nguyễn Văn K (chết), ngày 02/3/2009 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 đã chỉnh lý biến động sang tên bà Nguyễn Thị Tuyết L1 theo văn bản thuận phân được lập tại Ủy ban nhân dân xã T.

Ngày 23/3/2015 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 1309/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 6,5 m² để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình cải tạo kênh Thủ Thừa.

Ngày 01/6/2022 ban hành thông báo số 3780/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án cầu qua kênh Thủ Thừa trên địa bàn xã Nhị Thành và Tân Thành. Trong đó thu hồi đất của bà L diện tích 356.6 m² tại một phần thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16.

Việc người khởi kiện có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16 của bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vấn đề này Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết L1 trình bày nội dung như sau:

Trước đây ba bà L tên là Nguyễn Thành Vạng có sử dụng phần đất có diện tích khoảng 3.300 m² đất tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An và ba bà L chia cho các con mỗi người 01 phần đất như sau:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hiếu nhận phần đất với diện tích khoảng 353 m².

Ông Nguyễn Thành T nhận phần đất với diện tích khoảng 1.130 m².

Ông Nguyễn Thành L nhận phần đất với diện tích khoảng 343 m².

Bà Nguyễn Thị Tuyết L1 nhận phần đất với diện tích khoảng 599 m².

Vì lúc nhỏ bà L phải nghỉ học sớm để phụ ba bà L làm ruộng và mọi việc trong gia đình đều do bà L gánh vác. Do thấy bà L cực khổ nên ba bà L cho bà L phần đất thổ nhiều hơn 01 chút. Phần đất ba bà L cho bà L có bản đồ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên. Hằng năm, bà L đều đóng thuế đầy đủ cho nhà nước vì nghĩ tình nghĩa chị em nên bà L cho ông N cất nhà trên phần đất của bà L.

Năm 2022 Nhà nước gọi giấy thu hồi đất của bà L để làm cầu vì đất của bà L nên bà L được lãnh tiền còn ông N chỉ ở đậu trên phần đất của bà L nên ông N không có quyền yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày nội dung như sau:

Trước đây ba chồng bà H tên là Nguyễn Thành Vạng có sử dụng phần đất có diện tích khoảng 3.300m² đất tọa lạc tại ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An và ba chồng bà H chia cho các con mỗi người 01 phần đất như sau:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hiếu nhận phần đất với diện tích khoảng 353 m².

Ông Nguyễn Thành T nhận phần đất với diện tích khoảng 1.130 m².

Ông Nguyễn Thành L nhận phần đất với diện tích khoảng 343 m².

Bà Nguyễn Thị Tuyết L1 nhận phần đất với diện tích khoảng 590 m².

Vào năm 1980 vào ngày mừng 4 tết vợ chồng bà H về quê bà H ăn tết thì ông V nhậu say về đốt nhà bà H làm cháy toàn bộ tài sản nên sau đó ông V chia đất cho vợ chồng bà H phần nhiều hơn để bồi thường và vợ chồng bà H có nghĩa vụ chăm sóc bà nội chồng.

Năm 2006 ông T chết nên bà H làm thủ tục thừa kế phần đất ông T đứng tên nhưng ông L đã yêu cầu bà H cho ông L 127 m² đất mới sang tên nên bà H không đồng ý. Đến năm 2010 thủ tục thừa kế của bà H đã hoàn tất.

Năm 2007 ông L ngang nhiên bán phần đất trước nhà ông N mà bà đang đứng tên cho ông N với giá 25.000.000 đồng, sau đó bà có làm đơn lên Ủy ban nhân dân xã T giải quyết.

Năm 2022 lúc nhà nước khảo sát bồi thường quy hoạch để làm cầu thì ông N yêu cầu bà tách đất ra cho ông N đứng tên nhưng bà không đồng ý. Sau đó ông N và ông L có thưa lên Ủy ban nhân dân xã T nhưng không có bằng chứng nên xã không giải quyết thì ông N và ông L mới thưa xuống Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết A1 và ông Nguyễn Hoàng V có lời trình bày tại phiên tòa với nội dung như sau:

Thông nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết L1, không có ý kiến gì bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương T1 và bà Nguyễn Thị Tuyết P1 trong quá trình giải quyết vụ án: Không có ý kiến và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1, Điều 105, Luật Đất đai năm 2003.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L và ông Nguyễn Thành N.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/1999 cho ông Nguyễn Thành T.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 20/5/2010.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/6/1997 cho ông Nguyễn Văn K.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Tuyết L1 vào ngày 02/03/2009.

Hủy Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Ngọc H để thực hiện dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T).

Hủy Quyết định số 9525/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T) đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Hủy Quyết định số 9413/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Tuyết L1 để thực hiện dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T).

Hủy Quyết định số 9526/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T) đối với bà Nguyễn Thị Tuyết L1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/3/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì phần đất này ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Văn K là người kê khai đăng ký và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà H, bà L cũng được nhà nước cấp nhật biên động là hợp pháp, đúng pháp luật. Ngoài ra, người khởi kiện không có chứng cứ chứng minh được phần đất này là của tài sản hợp pháp của họ.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Không đồng ý nội dung kháng cáo của bà H, bà L và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L và ông Nguyễn Thành N là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới có giá trị chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Tuyết L1 đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Thành L khởi kiện yêu cầu:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/1999 cho ông Nguyễn Thành T.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 20/5/2010.

Ông Nguyễn Thành N khởi kiện yêu cầu:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/1999 cho ông Nguyễn Thành T.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 20/5/2010.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/6/1997 cho ông Nguyễn Văn K.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Tuyết L1 vào ngày 02/3/2009.

Đây là các Quyết định hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ông Nguyễn Thành L phát hiện việc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành T và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vào tháng 10/2021, ngày 26/01/2022 ông L nộp đơn khởi kiện;

Ông Nguyễn Thành N phát hiện việc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho: Ông Nguyễn Thành T và ông Nguyễn Văn Kiệp đối với các thửa đất 166 và 131, tờ bản đồ số 16. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 131 và 166, tờ bản đồ số 16 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 thông qua việc ông L khởi kiện yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T và ông Kiệp và ông N nộp đơn khởi kiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đơn khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về sự có mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành T và ông Nguyễn Văn K, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho: Ông Nguyễn Thành T vào ngày 03/12/1999 đối với thửa 166, tờ bản đồ số 16, đất tọa lại tại xã T, huyện T, tỉnh Long An và ông Nguyễn Văn K ngày 20/6/1997 đối với thửa 131, tờ bản đồ số 16, đất tọa lại tại xã T, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và ông Kiệp là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật đất đai.

Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 23/01/2009 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xác nhận vào ngày 24/02/2009 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An cho bà Nguyễn Thị Tuyết L1 là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật đất đai.

Căn cứ vào Văn bản phân chia di sản thừa kế được lập ngày 06/5/2010 được Văn phòng công chứng Thủ Thừa công chứng vào ngày 06/5/2010 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An cho bà Nguyễn Thị Ngọc H là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật đất đai.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

[2.2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa các ông Nguyễn Thành N và Nguyễn Thành L cho rằng diện tích đất ông N và ông L đang

quản lý, sử dụng có nguồn gốc là do cha ông N và ông L tên là Nguyễn Thành Vạng cho sử dụng ổn định đến nay. Diện tích đất ông N và ông L đang quản lý, sử dụng có ranh giới với các diện tích đất khác. Từ trước đến nay đối với diện tích đất ông N và ông L đang quản lý, sử dụng không phát sinh tranh chấp.

[2.2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông N, ông L thấy rằng:

Đối với thửa đất 166, tờ bản đồ số 16 thì ông Nguyễn Thành T là người kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vào ngày 03/12/1999 ông T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16. Tuy nhiên, đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 ông T không quản lý sử dụng hết thửa đất mà ông T chỉ quản lý, sử dụng một phần thửa, phần còn lại ông N và ông L đang quản lý, sử dụng. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không đúng đối tượng theo quy định của Luật đất đai.

Đối với thửa đất 131, tờ bản đồ số 16 thì ông Nguyễn Văn K là người kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vào ngày 20/6/1997 ông Kiệp được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16. Tuy nhiên, đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16 ông Kiệp không quản lý sử dụng hết thửa đất mà ông Kiệp chỉ quản lý, sử dụng một phần, phần còn lại ông N đang quản lý, sử dụng. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiệp là không đúng đối tượng theo quy định của Luật đất đai.

Nhận định trên phù hợp với lời trình bày của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T là quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T chỉ căn cứ đơn xin cấp giấy và bản đồ địa chính không có đo đạc kiểm tra thực tế. Phù hợp với Mảnh trích đo địa chính số 638 – 2022 đã xác định khu F có diện tích là 01 m² và khu H có diện tích 189.5 m² hiện do ông L đang quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa 166. Khu I có diện tích là 79.4 m² và khu L có diện tích 60.8 m² hiện do ông N đang quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa số 166 và khu J có diện tích là 5.8 m², khu K có diện tích là 96.4 m² hiện do ông N đang quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa 131. Phù hợp với biên bản thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 13/5/2022 xác định: Ông L có trồng cây làm ranh bao quanh diện tích đất ông L đang quản lý, sử dụng và phần diện tích đất ông N đang quản lý, sử dụng có tường nhà và hàng rào bao quanh. Phù hợp với giấy xác nhận do bà Nguyễn Thị Vinh xác nhận có nội dung là bà Vinh có bán căn nhà cho vợ chồng ông N còn phần đất do ông Nguyễn Thành V (cha ruột ông N) cho vợ chồng ông N. Phù hợp với lời trình bày của các ông bà Phạm Văn C, Huỳnh Văn T, Thái Ngọc H, Trương Văn G đều xác định khi còn sống ông V đã chia đất cho ông L, ông N, ông T, bà L. Khi chia đất thì ông V đã phân định ranh giới rõ ràng và các ông bà Liêm, Nhân, Thuận, Loan đã sử dụng diện tích đất được ông V chia ổn định từ đó đến nay.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà H và bà L cho rằng bà H và bà L cho ông N mượn đất để cất nhà. Ông N không thừa nhận mượn đất của bà H và bà L để cất nhà. Bà H và bà L không có chứng cứ chứng minh là cho ông N mượn đất để cất nhà. Vì thế, việc bà H và bà L trình bày là cho ông N mượn đất để cất nhà là không có căn cứ.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng: Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 cho ông T và thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16 cho ông Kiệp là không đúng với quy định của pháp luật.

Sau khi ông T chết thì gia đình ông T lập thủ tục thừa kế cho bà H được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/5/2010 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T cập nhật biến động tên chủ sử dụng đối với thửa đất 166, tờ bản đồ số 16 cho bà H.

Sau khi ông Kiệp chết thì gia đình ông Kiệp lập thủ tục thừa kế cho bà L được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 02/3/2009 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T cập nhật biến động tên chủ sử dụng đối với thửa đất 131, tờ bản đồ số 16 cho bà L.

Do có cơ sở xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Kiệp đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16 không đúng với quy định của pháp luật nên cập nhật biến động sang tên bà H đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16 và sang tên bà L đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16 là không có giá trị.

[2.3] Từ những phân tích trên, Tòa án nhân dân tỉnh Long An chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và ông N, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, ông Kiệp và hủy các cập nhật biến động sang tên bà H và bà L và hủy bỏ các quyết định hành chính có liên quan bao gồm: Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; Quyết định số 9525/QĐ-UBND ngày 26/12/2022; Quyết định số 9413/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 và Quyết định số 9526/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 để giải quyết triệt để vụ án, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H và bà L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H, bà L là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà H và bà L không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Do các đương sự nêu trên là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1] Bác kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L và ông Nguyễn Thành N.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/1999 cho ông Nguyễn Thành T.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 030564 thuộc thửa đất số 166, tờ bản đồ số 16, diện tích là 1.130 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 20/5/2010.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/6/1997 cho ông Nguyễn Văn K.

Hủy phần nội dung cập nhật biến động tại Mục IV của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 600731 thuộc thửa đất số 131, tờ bản đồ số 16, diện tích là 599 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Long An xác lập cho bà Nguyễn Thị Tuyết L1 vào ngày 02/03/2009.

Hủy Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Ngọc H để thực hiện dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T).

Hủy Quyết định số 9525/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T) đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Hủy Quyết định số 9413/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Tuyết L1 để thực hiện dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T).

Hủy Quyết định số 9526/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da nổi xã Nhị Thành và xã T) đối với bà Nguyễn Thị Tuyết L1.

[2] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết L1 không phải chịu.

[4] Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đường sự (14);
- Lưu VT (6), HS (2) T.28 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long